

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 184/2024/DS-PT

Ngày: 28 – 5 – 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng; ông Y Phi Kbuôr.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án;

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 102/2024/TLPT-DS ngày 27/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2024/QĐ - PT ngày 04/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2024/QĐ-PT ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn 12, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Phạm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 02/01/2022 âm lịch (tức ngày 02/02/2022 dương lịch), bà Lê Thị Thanh T và bà Phạm Thị N có viết một giấy tay với nội dung bà N còn nợ lại bà T số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 170.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi là 2%/tháng và hạn đến ngày cuối năm 2022 âm lịch (tức ngày 30/12/2022) bà N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc và lãi trên.

Đến ngày 29/12/2022 âm lịch (tức ngày 20/01/2023), bà N có trả cho bà T được 3.000.000 đồng tiền lãi. Còn từ đó đến nay, bà N không trả cho bà T số tiền gốc và trả thêm được đồng tiền lãi nào, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Lê Thị Thanh T số

tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 03/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2023 là 64.436.000 đồng.

Về việc bà N cho rằng năm 2018, hai bên có ghi ra nháp chốt lại số nợ cả gốc và lãi là 80.600.000 đồng, sau đó trong năm 2018, bà N có trả cho bà T lần 1 trả được 4.000.000 đồng, lần 2 được 8.000.000 đồng, tổng cộng trả được cho bà T 12.000.000 đồng thì bà T không nhớ. Vì việc trả này như bà N trình bày là trả trước khi chốt nợ vào ngày 20/01/2022 âm lịch, không liên quan đến nội dung khởi kiện của bà T.

Bà T cũng không đồng ý giảm lãi suất cho bà N tại thời điểm hiện nay, khi nào bà N trả tiền cho bà T thì bà T sẽ xem xét giảm tiền lãi cho bà N. Còn các giấy tờ ghi nợ trước đây bà T đã tiêu hủy và không còn lưu trữ nên không thể cung cấp cho Tòa án, về bản nháp phô tô bà N cung cấp cho Tòa án do đã lâu nên bà T không nhớ và cũng không lưu giữ.

2. Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Vào cuối năm 2016, bà Phạm Thị N có làm nhà và mua vật liệu xây dựng của bà Lê Thị Thanh T số nợ khoảng từ 43.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà N chưa trả được cho bà T số tiền nợ trên. Đến năm 2018, hai bên ghi nháp chốt lại số nợ cả gốc và lãi là 80.600.000 đồng (có bản nháp do bà T ghi nhưng nay chỉ cung cấp được bản phô tô ghi về số nợ này nhưng không có bản gốc), sau đó trong năm 2018, bà N có trả cho bà T được 02 lần tiền, lần 1 trả được 4.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày tháng và không có viết giấy trả), lần 2 trả được 8.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày tháng và không có viết giấy trả), tổng cộng trả được cho bà T 12.000.000 đồng (số tiền trả không nói rõ tiền gốc, tiền lãi, có ghi trong sổ của bà T, chứ bà N không có văn bản nào cung cấp cho Tòa án).

Đến ngày 02/01/2022 (âm lịch), hai bên viết giấy chốt nợ với nội dung “Chị N còn nợ lại tiền vật liệu xây dựng tổng số tiền là 170.000.0000 đồng, lãi suất 2%, hạn cuối năm 2022 âm lịch sẽ trả cả lãi và gốc”, sau đó bà N có ký dưới mục “người vay nợ ký” và xác định chữ ký, chữ viết trong giấy có nội dung xác nhận nợ này là của bà Phạm Thị N. Đến ngày 29/12/2022 âm lịch bà N có trả cho bà T được 3.000.000 đồng (số tiền trả không nói rõ tiền gốc, tiền lãi, có ghi trong sổ của bà T, chứ bà N không có văn bản nào cung cấp cho Tòa án).

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 03/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2024 là 64.436.000 đồng. Bà N xác định có nợ số tiền gốc và lãi như bà T khởi kiện nhưng vì hoàn cảnh khó khăn mong bà T xem xét giảm tiền lãi cho bà N và hiện nay bà N không có tiền trả cho bà Lê Thị Thanh T.

Tại bản án số 03/2024/DSST ngày 30/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền nợ là 234.436.000 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 64.436.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất thi hành án, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06/02/2024, bà Phạm Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 30/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và được nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị N, nhận thấy:

[2.1] Giữa bà T, bà N đều thừa nhận vào ngày 02/01/2022 âm lịch (ngày 02/02/2022 dương lịch), các bên có viết một giấy tay với nội dung bà N còn nợ lại bà T tiền vật liệu xây dựng là 170.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 2%/tháng, hện đến ngày cuối năm 2022 âm lịch (tức ngày 30/12/2022), bà N phải trả cho bà T số

tiền nợ gốc và lãi. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm: Bà N cho rằng năm 2018, hai bên chốt lại bằng việc viết tay, ghi nhập số nợ cả gốc và lãi là 80.600.000 đồng bằng tờ lịch, đã cung cấp bản trình bày và tờ lịch này cho Tòa án, trong đó thể hiện nội dung sau khi tính toán thì số tiền từ 80.600.000 đồng lên đến 172.660.000 đồng, do tin tưởng bà T nên bà N đã ký. Sau đó, bà T đã cho bà N 2.660.000 đồng, chốt lại 170.000.000 đồng; trong năm 2018, bà N trả cho bà T lần 1 trả được 4.000.000 đồng, lần 2 trả được 8.000.000 đồng, tổng cộng là 12.000.000 đồng.

Thấy rằng, bà T xác định chữ viết tay tại tờ lịch là chữ viết của bà. Tuy nhiên, các nội dung trên không được bà T thừa nhận, bà T cho rằng nội dung tờ lịch viết tay chỉ ghi số, không rõ cụ thể nội dung là gì, nếu có như bà N trình bày thì đó là trước khi hai bên ghi giấy xác nhận nợ. Đồng thời bà N cũng không đưa ra được căn cứ thể hiện bà T cho vay lãi suất cao đối với khoản vay vật liệu 50.000.000 đồng và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình.

[2.3] Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk thể hiện tại giấy nhận nợ vật liệu với số tiền 170.000.000 đồng ngày 02/01/2022 âm lịch là việc ký kết giữa bà N, bà T; vay mượn giữa các bên chỉ có bà N và bà T, chồng và con bà không biết và không liên quan gì đến khoản nợ này. Đồng thời, bà N mong bà T xem xét giảm tiền lãi cho bà N do gia đình đang gặp khó khăn.

Xét mức lãi suất 2%/tháng mà các bên thỏa thuận là không phù hợp với quy định của pháp luật về mức lãi suất (không quá 20%/năm) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã điều chỉnh theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm, tức 1,66%/tháng là có căn cứ.

Đối với việc bà N đã trả cho bà T được 3.000.000 đồng ngày 29/12/2022 âm lịch, số tiền trả không nói rõ tiền gốc, tiền lãi, có ghi trong sổ của bà T, chứ bà N không có văn bản nào cung cấp cho Tòa án, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận bà N đã trả cho bà khoản tiền 3.000.000 đồng nêu trên, đây là khoản tiền lãi. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã khấu trừ khoản tiền này vào tiền lãi cho bà N, tuy nhiên không nhận định tại bản án là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Từ những nhận định [1], [2] nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N.

Giữ nguyên bản án số 03/2024/DSST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004988 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Đăng Công TTĐT TANDTC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Phương